

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 27

HÀNH ĐẠO THÁNH VĂN PHẦN THƯỢNG, CÁC QUỐC VƯƠNG BỘ 4

1. Vua nước Ba-la-nại chứng quả Bích-chi-Phật.
2. Công đức xây dựng tháp.
3. Vua Ma-ha-kiếp-tân-ninh chứng đạo
4. Công đức hộ trì Tăng bảo
5. Vua Công Đức Trang Nghiêm thỉnh Phật đắc đạo.
6. Vua Lam-Đạt ngộ đạo.
7. Vua Phổ An chứng đạo.
8. Công đức Bố thí
9. Vua Ma-đạt chứng đạo.
10. Vua Càn-đà chứng Tu-đà-hoàn.
11. Vua Phổ-Đạt gặp Phật chứng đạo.

1. VUA NƯỚC BA-LA-NẠI CHỨNG QUẢ BÍCH-CHI:

Vào mùa hè năm ấy, tiết Trời nóng bức, nhà vua nước Ba-la-nại lên lầu cao ngồi trên toà bẩy báu để hóng mát. Nhà vua bảo cung nữ dùng hương Ngưu-đầu chiên-đàn xoa thân. Khi cung nữ xoa thân, trên tay đeo quá nhiều vòng ngọc trang sức, cho nên chạm vào thân nhà vua, chúng va vào nhau kêu leng keng bên tai, khiến cho nhà vua rất bực bội. Nhà vua ra lệnh cởi bỏ các vòng trang sức hết, chỉ đeo một chiếc để dừng nghe tiếng kêu. Trong chốc lát nhà vua chợt tỉnh ra rằng:

Quốc gia quần thân, dân chúng, thể nữ nhiều thì nảy sinh ra nhiều việc, nhiều việc thì gây nên nhiều phiền não.

Nhà vua liền xa lánh dục lạc, ở một mình nơi vắng vẻ để tu tập thiền định nên sớm chứng được quả vị Bích-chi Phật. Vì vậy, râu tóc của ông tự rụng, mình khoác Ca-sa. Từ trên lầu cao, nhà vua tự mình vận dụng thần túc thông bay ra khỏi cung điện rồi đi vào trong núi. Đây

là nhân duyên của Trung phẩm Bích-chi Phật, Có người nguyện thành tựu quả Bích-chi Phật nên thực hành và gieo trồng thiện căn này. Vì lúc ấy thế gian không có Phật xuất thế, người nào có thiện căn thuần thực, vì chán trần thế mà xuất gia và chứng đạo, nên gọi quả vị đó là Bích-chi Phật.

(Trích kinh Tọa Thiền Tam Muội quyển trung)

2. CÔNG ĐỨC XÂY DỰNG THÁP:

Vua nước Nhục Chi muốn cầu Phật đạo nên đã phát tâm xây dựng ba mươi hai ngôi tháp để phụng thờ. Khi việc xây tháp đã gần hoàn mãn, chỉ còn một ngôi thì có kẻ đến sàm tấu, khích động khiến nhà vua thối chí, nhà vua tự nghĩ:

Gặp những kẻ ác như thế này thì làm sao độ được.

Vì thế nhà vua liền hồi tâm, chuyển bỏ sanh tử hưởng đến Niết-bàn, ông tiếp tục xây dựng hoàn tất ngôi chùa tháp thứ ba mươi hai để cầu giải thoát. Do nhân duyên ấy nên nhà vua chứng được đạo quả A-la-hán. Ngôi chùa tháp này được đặt tên là Ba-la-đề-mộc-xoa (đời Lương dịch là giải thoát). Từ đó đến nay chưa tròn hai trăm năm, ngôi chùa ấy vẫn còn.

(Trích Tạp Bảo Tạng)

3. NHỜ CHINH PHẬT NƯỚC XÁ-VỆ GẶP PHẬT CHỨNG ĐẠO:

Ở phía Nam nước Xá-vệ do vua Ba-tư-nặc trị vì có một quốc gia tên là Kim Địa. Nhà vua nước ấy tên là Kiếp-tân-ninh, Thái tử tên là Ma-ha Kiếp-tân-ninh. Khi vua cha băng hà, Thái tử lên ngôi. Với bản tính vốn thông minh lại thêm dũng mãnh, ông thống trị cả ba ngàn sáu trăm nước nhỏ, uy phong chấn động khắp nơi, ai cũng phải về quy phục. Nhưng ông không giao tiếp với vùng Trung thổ.

Về sau có một vị thương buôn đem bốn tấm lụa mịn màng đến nước Kim Địa, dâng lên cho nhà vua. Nhà vua hỏi:

- Vật này đẹp quá, ở đâu sản xuất vậy?

Vị thương buôn thưa:

- Vật này là sản phẩm của vùng Trung thổ.

- Nước đó tên là gì?

- Nước ấy tên Duyệt-kỳ, thành Xá-vệ.

- Quốc vương nước đó sao không đến triều kiến ta?

- Vì uy danh của hai nước ngang nhau cho nên vua ấy không

đến.

Nhà vua suy nghĩ:

- Giờ ta phải tăng thêm uy phong khiến cho nước ấy phải thuận phục về ta.

Nghĩ vậy nhà vua liền bảo khách buôn:

- Các vua thuộc vùng Trung thổ vị nào mạnh nhất?

- Vua nước Xá-vệ là mạnh nhất.

Nhà vua liền phái sứ thần mang thư khuyến cáo đến nước Xá-vệ, bức thư với lời lẽ tự đắc bảo vua Ba-tư-nặc:

Uy phong của ta lừng lẫy khắp cả cõi Diêm-phù-đề, Ngài dựa vào đâu mà không cho sứ qua triều cống ta? Nay ta phái sứ đến bảo cho Ngài biết, sau bảy ngày nữa phải đến triều kiến, nếu không thì ta sẽ mang binh đánh nát nước của Ngài.

Nghe xong, vua Ba-tư-nặc hết sức kinh hoàng, vội đến chỗ Phật trình bày mọi chuyện.

Phật dạy:

- Đại vương hãy trở về bảo với sứ giả nước kia rằng: Ta đây không lớn đâu, hãy còn vị vua khác lớn hơn ta.

Nhà vua vâng lời dạy của Phật, trở về bảo với sứ giả nước kia:

- Trên thế gian này còn có bậc đại Thánh vương, Ngài hiện đang ở gần đây, ông hãy đến đó truyền lại mệnh lệnh của quốc vương ông.

Sứ giả liền đến Tinh xá Kỳ-hoàn, lúc đó đức Thế tôn hoá làm Chuyển luân Thánh vương, thân hình bằng bảy báu, thị từng đều có đủ. Khi bước vào hoá thành ấy nhìn thấy đại Thánh vương, ông hết sức kinh sợ liền lấy thư dâng lên.

Hoá vương tiếp nhận rồi đem chà dưới chân và bảo với sứ giả rằng:

- Ta là bậc đại Thánh vương, đang thống nhiếp cả bốn châu thiên hạ. Vua của người ngang bướng ngu muội, dám chống lại cả ta sao? Người hãy mau trở về nước, truyền lại mệnh lệnh của ta:

- Ngày nào nhận được tin thì phải lập tức đến hầu ta. Đang lúc nằm nghe tin phải ngồi dậy, đang ngồi phải đứng. Kì hẹn bảy ngày không được chậm trễ, nếu dám trái với mệnh lệnh này thì ta sẽ định tội không được xin xỏ.

Sứ giả trở về nước, đem những điều mắt thấy tai nghe, tâu lại với vua nước Kim Địa. Nhà vua nghe rồi phụng chỉ, thâm trách lỗi của mình, liền hội họp các nước nhỏ lại và dẫn đầu họ đi đến triều kiến đại vương. Trước khi lên đường, ông sai sứ giả đến hỏi đại vương:

Vua của thần sắp thống lãnh ba vạn sáu ngàn vị vua, xin tâu đại vương họ phải đến đây hết hay chỉ đi phân nửa thôi?

Đại vương đáp:

- Cho phép phân nửa ở lại.

Thế là vua Kim Địa dẫn tám ngàn tiểu vương cùng đi đến. Khi đến nơi, làm lễ yết kiến đại vương xong, vua Kim Địa thăm nghĩ:

Đại vương tướng mạo thì hơn ta nhưng sức mạnh chưa chắc đã hơn.

Biết được tâm niệm đó, hoá vương liền sai thị vệ đem cung ra trao cho vua Kim Địa, thế nhưng ông ta không nhắc lên nổi. Hoá vương lấy cung lại, dùng ngón tay trưng cung lên. Ngài lại đưa cung cho vua Kim Địa rồi bảo ông ta kéo. Vua Kim Địa càng không kéo nổi. Hoá vương lấy cung gãy một cái thì cả ba ngàn thế giới đều chấn động. Hóa thân lại liền tiếp lấp cung bắn ra. Khi tên từ tay hoá vương bắn ra thì chia thành năm mũi, trên đầu mũi cung đều có phát ra ánh sáng, trên ánh sáng lại có hoa sen lớn như bánh xe, trên mỗi hoa sen lại có một Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy báu đồng phát ra ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Chúng sanh trong năm đường đều mong nhờ ánh đại quang minh ấy. Cảnh giới Chư thiên cũng thấy được ánh sáng và được nghe pháp, thân tâm đều thanh tịnh. Vì thế, có vị phát tâm Vô thượng chánh chân, có vị lại trụ vào bất thối địa. Chúng sanh trong cõi người có vị chứng nhất quả, nhị quả, tam quả. Có người xuất gia, ngộ nhập yếu chỉ nên chứng quả A-la-hán. Có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề được bất thối địa. Như vậy không thể kể xiết. Chúng sanh trong tam đồ hết khổ được giải thoát, thọ sanh trong cõi Trời người.

Bấy giờ, vua Ma-ha-kiếp-tân-ninh và các tiểu vương thuộc vùng Kim Địa trong thấy thần biến như thế thì phát khởi tâm tin phục, xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn tịnh. Một muôn tám ngàn vị tiểu vương đều đắc quả như nhau. Trong chốc lát, đức Phật thân thần lực, trở lại thân cũ, các Tỳ-kheo nhiều xung quanh Ngài. Thấy thế các tiểu vương thuộc nước Kim Địa cầu xin xuất gia. Tức thời râu tóc họ tự rụng, Ca-sa mặc vào mình, siêng năng tu tập thiền định, khéo tư duy các pháp, tất cả đều chứng quả A-la-hán.

(Trích kinh Hiền Ngu quyển 7)

4. CÔNG ĐỨC HỘ TRÌ PHÁP SƯ:

Trong kiếp quá khứ xa xưa, tại thành Câu-thi này có một vị Phật ra đời, hiệu là Hoan-hỷ Tăng-ích. Ngài trụ thế vô lượng để giáo hóa vô

biên chúng sanh, sau đó mới đến cội Ta-la song thọ vào Niết-bàn. Sau khi Phật ấy vào Niết-bàn rồi nhưng giáo pháp của Ngài còn trụ ở đời vô lượng ức năm. Hơn bốn mươi năm, lúc Phật pháp chưa diệt, có một vị Tỳ-kheo trì giới tên là Giác Đức, có chúng đệ tử quyến thuộc vây quanh. Vị Tỳ-kheo này có khả năng giảng nhiều kinh điển, tiếng như Sư tử hống, Ngài thường ngăn cấm các Tỳ-kheo không được nuôi chứa tội tử trâu dê, các vật phi pháp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo phá giới nghe những lời ấy đều sanh tâm xấu ác, họ cầm dao gậy đến uy hiếp pháp sư. Khi vua Hữu Đức trị vì nước ấy nghe tin lập tức đến nơi đạo tràng của pháp sư thuyết giảng để bảo vệ giúp Ngài thoát khỏi nguy hiểm. Nhà vua cùng đánh nhau với bọn Tỳ-kheo phá giới rất kịch liệt. Vì kháng cự nên toàn thân nhà vua bị thương nặng. Bấy giờ Pháp sư Giác Đức đến tán thán nhà vua:

Lành thay! Lành thay! Hôm nay nhà vua đúng là người hộ trì chánh pháp, đời sau Ngài sẽ vô lượng pháp khí.

Nghe xong những lời ấy, nhà vua hết sức vui mừng, ngay lúc ấy nhà vua liền băng hà rồi tái sanh vào cõi nước của Phật A-Súc, làm đệ tử đầu tiên của đức Phật ấy. Khi chưa băng hà, những người hầu và dân chúng cùng chiến đấu với nhà vua, tuy có kẻ chiến đấu, có kẻ thấy tuý hỷ, nhưng tất cả họ đều phát được tâm Bồ-đề không còn thối chuyển nữa. Khi họ mạng chung cũng được sanh về thế giới của đức Phật A-Súc. Tỳ-kheo Giác Đức sau khi viên tịch cũng được thọ sanh về cõi Phật A-Súc và làm đệ tử thứ hai trong chúng Thánh văn.

Phật dạy: Nếu khi chánh pháp đến thời kỳ hoại diệt thì phải nên thọ trì bảo vệ như thế. Vua Hữu Đức năm xưa nay chính là thân ta, Tỳ-kheo trì giới thuyết pháp chính là đức Phật Ca-Diếp.

(Trích kinh Đại Niết-bàn quyển ba)

5. VUA CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM THỈNH PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Trong quá khứ, thời đức Phật Phổ Minh Vương có vua Công Đức Trang Nghiêm. Một hôm, nhà vua được nghe Phật nói kệ và thấy được sức thần biến của Ngài thì tâm Bồ-đề phát khởi thêm lớn và càng kiên cố. Ông cúi đầu lễ Phật và bạch rằng:

Cúi xin đức Thế tôn và hàng đệ tử đại Bồ-tát hứa khả cho con được cúng dường tất cả y thực ngoạ cụ thuốc men đầy đủ các thứ trong tám vạn bốn nghìn năm.

Đức Phật Phổ Minh Vương và đại chúng đồng hứa khả. Khi được

nhận lời thỉnh cầu, nhà vua vui mừng cáo lui. Trong cung, vương tử Sư tử tấn và hai muôn vương tử đều bỏ địa vị vinh hoa phú quý, xuất gia siêng năng tu tập, tất cả đều được an vui và hưởng cầu thiện pháp. Không bao lâu, vương tử Sư tử tấn chứng được ngũ thông kiên cố, không còn thối chuyển. Ông lại nương vào uy lực của đức Thế tôn để đem pháp vị nhiệm mầu giáo hoá chúng sanh, đem lại lợi ích an vui khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới. Vì thế có vô lượng chúng sanh phát được tâm nguyện rộng lớn, không còn thối chuyển.

Suốt trong tám muôn bốn ngàn năm, nhà vua cúng dường các phẩm vật thuốc men đầy đủ cho Phật và đại chúng, cùng với các quan đại thần theo chúng hội nghe pháp. Vì vậy ông thâm nghĩ:

Các con của ta đều cạo tóc xuất gia, thường nhận sự cúng dường của người khác mà tự thân không thể thực hành bố thí, cũng chưa hiểu biết Phật pháp hơn người khác. Chẳng thà cho chúng nó hoàn tục, bỏ tài của ra để bố thí, tu tập các công đức giống như ta.

Biết được tâm niệm của vua, Đức Phổ Minh Vương Như Lai liền bảo Bồ-tát Sư tử tấn:

Này thiện nam tử! Bây giờ Ông hãy vận dụng công đức thần thông, tự tại biến hoá của các vị đại Bồ-tát, khiến cho tất cả đại chúng đều được thấy nghe, xoay chuyển tâm mê lầm của họ trở về với chánh kiến.

Bồ-tát Sư tử tấn vâng lời Phật dạy, liền nhập định, biến hiện ra các tướng như thế khiến cho cả đại thiên đều chấn động. Trên Hư không, Trời đổ mưa hoa thơm ngát, tràng phan bảo cái rợp cả bầu Trời, tiếng nhạc reo vang. Nhiều thức ăn ngon lạ, các thứ anh lạc, các thứ y phục cùng nhiều châu báu từ từ hiện xuống đầy cả đại thiên. Chúng sanh nhìn thấy cảnh tượng như thế họ vô cùng vui mừng. Bấy giờ Chư thiên địa thần đến chỗ A-ca-ni-tra, đồng nói lời khen ngợi rằng:

Vị Bồ-tát này đáng gọi là Hư không Tạng, sở dĩ được như thế là nhờ công đức của Ngài mà từ trong Hư không vô số châu báu rơi đầy khắp cả đại thiên.

Đức Phật liền ấn chứng cho vị Bồ-tát này, nhà vua trông thấy như thế vô cùng vui mừng, lòng kiêu mạn không còn nữa, chấp tay bạch Phật:

Thật hi hữu thay! Bạch Đức Thế tôn, Bồ-tát có công đức trí tuệ mới có khả năng như thế. Công đức bố thí của người tại gia chẳng được bao nhiêu, nhưng bậc xuất gia khi vận sức thần thông để bố thí thì công đức ấy lại vô bờ bến. Việc bố thí của người tại gia thật không vừa ý

người khác, vì đã bố thí mà tâm còn tiếc nướì nên phải chuốc lấy khổ não. Người xuất gia bố thí rồi không có lòng hối tiếc nên tâm không còn khởi phiền muộn.

Bấy giờ nhà vua truyền ngòì cho thái tử Cát Ý, với lòng tin chân thật, ông đã cạo bỏ râu tóc bước vào ngòì nhà Phật pháp trở thành bậc xuất gia tu tập. Nhờ thế mà thiện pháp ngày càng tăng trưởng, nhà vua tinh tấn tu tập nên chứng nhập tứ thiên, bốn tâm vô lượng và năm thần thông.

Thái tử Cát Ý lên ngòì, lấy giáo pháp làm giềng mối để trị dân, vì vậy tất cả đều được lợi lạc không một ai có lời oán thán. Nhà vua tu tập chánh pháp, siêng năng cúng dường Đức Thế tôn.

Phật dạy:

Vua Công Đức Trang Nghiêm thuở ấy chính là Đức Phật Câu-lưu-tôn, Bồ-tát Sư Tử Tấn chính là Bồ-tát Hư không Tạng, vua Cát Ý chính là Bồ-tát Di-lặc.

(Trích kinh Công Đức Trang Nghiêm Vương Thỉnh Cúng Dường Phật, Xuất Gia Đắc Đạo)

6. VUA LAM ĐẠT NGỘ ĐẠO:

Ngày xưa, vua Lam Đạt trị vì nước Xá-vệ, nơi đây đất đai trù phú, dân chúng thuần thành, vua tôi, cha con đều lấy đạo làm giềng mối, nên đất nước được thái bình. Nhưng sau khi nhà vua băng hà, vua khác kế vị, chánh pháp càng suy yếu, chính trị hà khắc không công bằng khiến cho trăm họ vô cùng lầm than, không chút an vui, đất nước loạn lạc, tai hoạ nổi lên, mưa gió bất thường, mùa màng thất bát. Ngoài ra còn có nhiều thứ yêu mị, khiến cho đất nước hoang tàn dẫn đến nguy vong. Trước tình hình như thế, nhà vua nghe theo lời năm trăm kẻ tà đạo lập đàn cầu cúng quỷ thần. Từ đó người trên kẻ dưới đua nhau theo học pháp tế đó, giống như ngọn gió luồn qua đám cỏ non.

Dân chúng loạn lạc, đua nhau gian giối, kẻ trên hiếp kẻ dưới, mạnh lấn yếu, sát hại lẫn nhau, cướp đoạt tài sản của người không còn biết gì đến đạo đức, cưỡng bức dâm loạn vợ con của kẻ khác, vua tôi say sưa vô độ. Hơn nữa, hạn hán kéo dài hơn ba năm trường, trên dưới đều mời thầy cầu cúng nhưng Trời vẫn không một giọt mưa. Các pháp sư tâu vua:

- Giờ đây phải mở hội tế lớn, nên bắt bảy người đồng nam, mười con trâu trắng, mười con ngựa trắng để hoả thiêu tế Trời mới cầu mong được mưa xuống.

Nghe thế, nhà vua chuẩn bị đầy đủ các thứ, nhân dân trong nước quá tức giận, họ ùn ùn kéo nhau làm loạn. Đức Phật liền bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

- Nước Lam-đạt hoang tàn, dân chúng khốn khổ, ở đó có ba ức người có duyên với ông. Ông hãy đến đó để hoá độ, chắc chắn họ sẽ được thoát nạn.

Tôn giả Mục-kiền-liên liền đi đến đó, Ngài thuyết pháp khai mở tâm trí cho họ. Nhân dân trong nước ban đầu không chịu quy phục, vì vậy Ngài hoá làm một vị đại quý thần, thân cao vài trượng, ngồi ở cổng thành, lớn tiếng gọi nhà vua và các quan cận thần ra ngoài cung. Nhà vua và các quần thần hết hoảng, sợ có việc không may xảy ra, họ kéo nhau dập đầu van xin đại quý thần tha mạng sống.

Vị thần bảo:

- Người hãy mau tìm những bầy tôi bất trung và những người con bất hiếu đem đến đây, ta muốn ăn thịt của chúng.

Nhà vua quay lại dò hỏi rồi đáp là không có.

Vị thần lại bảo:

- Vậy thì nhà ngươi hãy mau tìm những kẻ trộm cướp, dâm dật, nói dối, nói lười hai chiều, nói lời hung ác đến đây, ta muốn ăn thịt chúng.

Nhà vua quay lại hỏi và cũng đáp là không có.

Vị thần lại bảo:

- Vậy thì hãy tìm những kẻ uống rượu say sưa, ta muốn ăn thịt của chúng.

Nhà vua cũng đáp là không có.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên liền hiện ra thân thật rồi đi đến. Thấy Tôn giả, Nhà vua liền dập đầu van an và thỉnh Ngài giúp mình giải thích với vị quý thần ấy.

Tôn giả hỏi:

- Vị thần này muốn đòi cái gì?

Nhà vua đáp:

- Ông ấy muốn ăn thịt kẻ ác.

- Vậy trong nước có những kẻ đó không?

- Không có, xin Tôn giả hãy đuổi vị thần ấy đi, tôi sẽ trọn đời quy y Tam bảo.

Tôn giả bảo quý thần ấy rằng: Nay dân chúng trong nước này không có những hạng người như ông cần tìm, ông hãy tha tội cho họ. Sau này nếu có kẻ nào phạm tội thì ông đến đây bắt họ ăn thịt.

Vị thần nghe lời Tôn giả đột nhiên biến mất. Thế là vua và thần

dân dập đầu cảm tạ và xin được quy y Tam bảo.

Tôn giả bảo:

- Đại vương muốn quy y Tam bảo trước tiên hãy tự quy y Phật.

Nhà vua hỏi về công đức của Phật, Tôn giả trả lời:

Đức Phật là đấng tối tôn trong ba cõi, Ngài nói pháp cho ba ngàn vị Thánh văn đệ tử nghe.

- Hôm nay Trẫm may mắn được nghe điều kì lạ ấy.

Nói xong, nhà vua thưa:

- Nay con muốn thỉnh Phật cúng dường và xin quy y Tam bảo, được nghe lời Phật dạy và trọn đời tu tập theo.

- Nếu đại vương làm được việc như thế thì phước đức khó ai sánh kịp, nay đại vương hãy nên chí thành thỉnh Phật.

Nhà vua vâng lời, tắm gội sạch sẽ, giữ gìn trai giới, từ xa hướng về chỗ của Phật cúi đầu đánh lễ và nói:

- Vì con ngu muội, làm những việc sai trái, khiến cho lòng dân oán hận, không thể tẩy sạch tâm trí để quay về với chánh đạo, nên đất nước phải rơi vào cảnh hoang tàn, lỗi tại con. Cúi mong đức Thế tôn rủ lòng thương xót quang lâm đến nước này để cho muôn dân được phước vô lượng.

Đức Phật và chúng Tỳ-kheo hiện ra trên Hư không, cách thành không quá một trăm dặm, hoa sen năm màu đỡ chân Ngài, Chư thiên mang lọng báu tràng hoa theo hộ vệ khắp cả Hư không, nhạc Trời trỗi lên vang rền cả đại địa.

Nhìn thấy oai thần của Phật toả chiếu rực rỡ khắp Trời đất, nhà vua cùng với quần thần cúi đầu đánh lễ. Khắp các ngã tư đường, nhà vua cho treo tràng phan cờ xí, quét dọn sạch sẽ. Đức Phật đến và an nhiên ngồi trên tòa sư tử, tất cả đều trải bằng vải lụa của cõi Trời, đích thân nhà vua dâng thức ăn lên cúng dường và bưng nước cho Phật. khi ăn xong, đức Phật liền thuyết pháp yếu nói về khổ, không, vô thường cho mọi người nghe. Nhà vua vui mừng, cầu thọ năm giới, xả trừ được mọi kiết sử phiền não, chứng quả Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ năm trăm ngoại đạo được vua cúng dường trước đây đều xin làm Tỳ-kheo. Đức Phật đồng ý, râu tóc họ liền rụng, ca sa khoác lên mình. Trong vòng bảy ngày sau họ đều chứng quả A-la-hán. Nhân dân trong chúng hội đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Có người xin quy y Tam bảo, thọ trì năm giới cấm, chuyên cần tu tập mười thiện pháp. Riêng nhà vua, một tháng giữ sáu ngày trai, một năm giữ trai ba tháng. Mọi người lần lượt theo gương nhà vua và lấy đó làm quy chế cho việc tu

hành.

Lúc ấy, tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, vua quan dân chúng ở nước này cùng với tôn giả Mục-kiền-liên có duyên gì mà nay được như thế?

Phật dạy: Xưa, vào thời Phật Duy vệ, Mục-kiền-liên làm vị Ưu-bà-tắc, nhà nghèo khó nhưng biết giữ giới thanh tịnh. Hôm nọ, vào núi hái hoa, thấy cây Tu-văn có hoa, ông toan trèo lên hái, ngờ đâu trên cây có một tổ Ong, bầy ong khoảng vài ngàn con nghe tiếng kinh động nên bay ra khỏi tổ và đuổi theo. Ông ta thầm nghĩ:

- Nếu ta đắc đạo thì ta sẽ độ cho các người.

Những người hôm nay đắc đạo đều là bầy Ong lúc trước.

(Trích kinh Lam Đạt Vương)

7. VUA PHỔ AN CẢM HOÁ BỐN VUA ĐẮC ĐẠO:

Ngày xưa, có năm vị quốc vương, lãnh thổ gần ranh nên họ cùng nhau kết làm bạn thân và thường xuyên giao lưu qua lại. Vị vua lớn nhất tên là Phổ An, ông thực hành hạnh Bồ-tát còn bốn vị vua nước nhỏ thì theo ngoại đạo. Vua Phổ An thương xót họ mới mời họ đến hoàng cung cùng nhau yến tiệc vui chơi suốt cả bảy ngày bảy đêm. Sau khi xong tiệc, các vị tiểu quốc vương cùng xin phép vua Phổ An hồi cung để lo liệu nước nhà. Vua Phổ An đích thân đưa tiễn các vị tiểu quốc vương, trên đường tiễn chân, vua Phổ An nói với họ, mỗi người chúng ta hãy trình bày sở thích của mình cho nhau nghe.

Một vị thưa:

- Ba tháng mùa xuân cây cối sum xuê, rất tươi đẹp, vì thế tôi rất thích dạo chơi nơi vùng hoang dã.

Vị thứ hai nói:

- Tôi mong muốn mãi mãi được làm vua, ngồi xe ngựa đẹp đẽ, tùy tùng dân chúng hầu hạ hai bên, sớm chiều khua chiêng gióng trống, ra vào lui tới đều được mọi người chiêm ngưỡng.

Vị thứ ba tiếp lời:

- Tôi mong có được vợ đẹp con ngoan không ai sánh bằng, cùng nhau mặc sức vui sướng hưởng thụ.

Vị thứ tư nói:

- Mong cho cha mẹ tôi được sống lâu, bạn bè anh em vợ con đông đảo, được ăn ngon mặc đẹp, vui chơi các thứ ca kĩ nhạc.

Khi nói xong, họ đều đề nghị vua Phổ An nói về sở thích của mình.

Ông nói:

- Tôi thích không sanh, không chết không khổ không sầu, không đói khát, không nóng lạnh, còn hay mất đều được tự do.

Bốn vua kia đồng lên tiếng:

- Sở thích của Ngài phải chăng là có bậc minh sư hướng dẫn?

- Đúng thế, thầy của tôi là Phật, Ngài đang ngự tại Tinh xá Kỳ-hoàn cách đây không xa.

Nghe thế, các tiểu vương kia đồng vui mừng và cùng nhau đến yết kiến đức Phật.

Phổ An bạch Phật: Chúng con hôm nay tuy được làm người nhưng tình thức còn ngu si nên chìm đắm trong thú vui của thế gian, không biết đâu là tội phước, xin Ngài dạy cho chúng con về cái khổ giữa thế gian.

Phật dạy:

- Các vị hãy lắng lòng nghe, con người sống trên cõi đời này đều phải chịu các nỗi khổ đau dày xéo thân tâm, nay ta lược nêu tám khổ như sau:

1. Sanh là khổ:

Con người chúng ta khi chết rồi không biết thân thức sanh vào chốn nào, suốt hai mươi một ngày tồn tại trong dạng thân Trung ấm, đợi đến lúc có đủ duyên cha mẹ giao cấu liền nhập vào bụng mẹ. Khi thọ thai, tháng đầu tiên dường như váng sữa, đến tháng thứ hai thì váng sữa đó đã đông đặc, ba tháng như huyết đọng, bốn tháng mới thành hình người, năm tháng mới có đầu và hai tay hai chân. Nhờ người mẹ hít thở không khí, châu lưu khắp thân thể, từ đó sáu giác quan mới khai mở. Thai nhi trong bụng mẹ, nằm bên dưới ruột non và bên trên ruột già, vì vậy khi người mẹ ăn thức ăn nóng hay tắm rửa thân thể thì thai nhi giống như đang dầm mình trong nước sôi. Khi mẹ uống một ly nước lạnh, thai nhi cảm thấy như bị giá buốt cắt xé thân thể. Khi mẹ ăn no thì thân con như bị đè ép. Khi mẹ đói khát, bụng sôi ra tiếng thì con cảm thấy như mình bị treo ngược, vô cùng đau đớn. Đến ngày khai hoa nở nhụy, đầu hài nhi xuôi theo cửa mình của mẹ, đau đớn như bị hai tảng đá ép lại rồi thoát ra trên bãi cỏ, thân hài nhi mềm nhũn khi chạm vào cỏ thì cảm thấy như bị gai đâm, như bị đè lên người, như dao kiếm đâm, đau đớn bật lên tiếng khóc. Như thế có khổ hay không?

Mọi người đều đáp là khổ.

2. Già là khổ:

Sanh ra, cha mẹ nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, có lúc đói thì đói quá mức, no thì lại no quá độ, ăn uống không chừng mực. Đến khi

tuổi già, tóc bạc răng rụng, mắt mờ tai điếc, sức khoẻ của thời thanh xuân đã trôi đi nhường chỗ lại cho xế chiều già yếu, mặt nhăn, mắt xấp, xương đốt rã rời, ngồi đứng rên rỉ, buồn lo khổ não, thần trí suy sụp gần như quên lãng. Nói ra nước mắt đầm đìa, đi đứng phải có người dìu đỡ. Như thế có khổ hay không?

Mọi người đều đáp là khổ.

3. Bệnh là khổ:

Khi đủ duyên tứ đại hội tụ, làm thành thân người. Thế nhưng một đại không điều hoà thì phát ra vô số bệnh hoạn, như thế bốn đại không điều hoà thì đủ thứ bệnh hoạn. Chất đất trong người không được điều hoà thì toàn thân nhức nhối, chất nước không điều hoà thì toàn thân phù thũng, chất lửa không điều hoà thì toàn thân như bị thiêu đốt, chất gió không được điều hoà thì phong dịch bùng phát, xương cốt đau nhức như bị người dùng gậy đánh đập. Bốn đại không ngừng xoay chuyển, thân tâm rã rời, khí lực cạn kiệt, ngồi đứng không yên, miệng khô môi nứt, gân đứt mũi gãy, tai điếc mắt mờ, phân tiểu tự chảy ra rồi nằm vùi trên ấy. Lòng canh cánh nỗi sầu khổ, thốt lên những lời nghe đau thương, họ hàng ngày đêm kề cận chăm sóc, thức ngon vật lạ nhưng khi vào miệng thì đắng chát. Như thế có phải là khổ không?

Mọi người đều đáp là khổ.

4. Chết là khổ:

Đến giờ sắp chết, vô số bệnh tật cùng lúc bùng phát, bốn đại tan rã, tinh thần không chút yên ổn, gió thổi như bị dao cắt xẻ, toàn thân đau nhói, mồ hôi toát ra như tắm, hai tay quờ quạng, bà con quyến thuộc kề cận, buồn bã khóc lóc. Nhưng không làm gì được, người bệnh vẫn đau đớn đến tận xương tuỷ. Phong đại không còn thì khí lực cũng hết, hoả đại mất đi còn lại thân thể lạnh giá, thân thức lìa thân không còn cảm giác. Mười ngày sau thân thể trương phình hôi hám, chẳng ai dám đến gần. Thi thể được bỏ ngoài đồng trống, chim cú xúm lại ăn thịt uống máu, xương rã mỗi thứ mỗi nơi. Như thế có khổ chăng?

Mọi người đều đáp là khổ.

5. Thương nhau mà xa nhau là khổ:

Quyển thuộc cha con vợ chồng cùng nhau sum họp một mai tan rã, bị người quấy nhiễu, thành ra mỗi người một nẻo, anh em vợ chồng chia lìa kẻ Nam người Bắc, làm thân tôi tớ, đau đớn vô cùng, gọi ai cũng chẳng đáp, mịt mờ không biết ngày nào tao ngộ. Như thế có khổ không?

Mọi người đều công nhận là khổ.

6. Cầu không được là khổ:

Tài sản nhà cửa đem bán mua quan, hy vọng có ngày được tận hưởng phú quý. Sự mong cầu đó gặp may làm được quan quyền nhưng chẳng bao lâu, lòng tham trở dậy, cướp bóc của dân lành, bị người tố cáo. Việc đến chẳng may bị bắt bớ, nhốt trong xe tù chở đi, buồn khổ vô cùng không biết sống chết ra sao. Như vậy có khổ không?

Mọi người đều đáp là khổ.

7. Ghét nhau mà gặp nhau là khổ:

Người đời bạc bẽo, sống trong ái dục, tranh giành những việc không đâu mà sát hại lẫn nhau, đời đời kiếp kiếp kết oán gây thù, người này trốn tránh người kia, nhưng rốt cuộc cũng phải gặp nhau. Họ mài dao vót tên, chuẩn bị gây gộc để hại nhau lúc gặp mặt. Hai bên đối mặt không biết thắng bại, tâm tư sợ sệt vô vàn. Đó có phải là khổ không?

Mọi người đều cho là khổ.

8. Khổ vì buồn thương sâu não:

Sống trên đời, có người thọ lâu trăm tuổi, nhưng cũng lắm chi kè chết từ trong bụng mẹ. Cho dù sống lâu trăm tuổi nhưng ban đêm chiêm hơn phân nửa ban ngày, năm mươi năm còn lại say sưa, không làm tròn nhân cách của một con người. Mười lăm năm tuổi trẻ thì không biết lễ nghĩa, phóng túng lối lả. Tám mươi tuổi thì già cả lú lẫn, tai điếc mắt mờ làm cho không còn phép tắc. Thiên hạ loạn lạc, đất đai khô hạn, sương mù lửa cháy, mùa màng thất bát, quyền thuộc mang nhiều bệnh tật, làm ăn thất bại, bị nhà nước tịch thu, không ai cúng tế, hoặc bị tù đày không ngày thoát khỏi. Anh em con cái xa xôi chưa về, gia thế nghèo khổ, cơm không có ăn, áo không đủ mặc. Vụ xuân không có trâu cày, ngày lễ hội lại mang đến những điều buồn bã. Xóm giềng lưu lạc, người nhà chết không thể chôn cất. Như thế có phải là khổ không?

Mọi người đều đáp là khổ.

Bấy giờ năm vua cùng các quần thần, mấy chục ngàn người trong pháp hội nghe đức Phật nói pháp khổ đế, họ đều tỏ ngộ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Các vua quán thấy cung điện như nhà xí chẳng còn ưa thích liền trao ngôi lại cho em mà xuất gia tinh tấn tu tập.

(Trích kinh Ngũ Vương)

8. CÔNG ĐỨC BỐ THÍ ĐẮC ĐẠO:

Ở nước Đa muội có một vị vua thuộc dòng Bà-la-môn, ông thường xả bỏ tài của, phụng thờ ngoại đạo. Một hôm, nhà vua phát tâm lành, muốn thiết lễ đại bố thí, theo pháp của Bà-la-môn. Báu vật của vua

nhiều như núi, vì thế nếu có người nào đến xin thì tự họ đến lấy một năm. Như vậy trải qua nhiều ngày, nhưng kho báu của nhà vua vẫn không vơi cạn.

Bấy giờ, Đức Phật thấy phước báu kiếp trước của nhà vua đã đến lúc đáng được độ, Ngài hoá ra một vị Phạm chí đi đến ấy.

Lúc ấy, nhà vua thấy Phạm chí liền bước ra chào hỏi.

Vua bước ra đón tiếp và thưa:

- Ngài có nhu cầu gì thì cứ nói đừng nên ngại.

Phạm chí đáp: Tôi từ xa đến đây muốn xin châu báu đem về cất nhà.

- Ngài cứ tự nhiên lấy một năm.

Phạm chí liền lấy châu báu bỏ vào túi mang đi, bước được bảy bước, ông đem châu báu trả lại chỗ cũ.

Vua hỏi:

Tại sao ông không lấy?

Đáp: Bao nhiêu đây chỉ đủ để cất nhà nhưng tôi lại muốn cưới vợ, số châu báu này không đủ cho cả hai việc nên không lấy.

Vua nói:

Vậy thì ông hãy lấy thêm ba năm nữa đi!

Phạm chí liền lấy thêm nhưng đi được bảy bước thì ông cũng quay lại như trước.

Nhà vua ngạc nhiên hỏi: Tại sao Ngài còn trở lại nữa?

Đáp: Số này vừa đủ để cưới vợ, tôi lại không có ruộng nương, tở và trâu ngựa. Tính ra, số châu báu này không đủ, do vậy nên tôi trả lại.

Vua nói: Vậy Ngài hãy lấy thêm bảy năm nữa.

Phạm chí đến lấy và cũng đi ra bảy bước rồi mang trả lại. Nhà vua hỏi, Ngài còn muốn gì nữa.

Đáp: Nếu có con cái thì phải cưới gả, chi tiêu mọi việc, tính ra cũng không đủ nên tôi không lấy.

Vua nói: Vậy thì Ngài hãy lấy tất cả của báu đó để dùng những việc trên.

Phạm chí nhận châu báu rồi bỏ lại.

Nhà vua thấy vậy rất ngạc nhiên, hỏi tại sao?

Đáp: Xưa nay tôi đi xin ăn để sống, nhưng khi nghĩ kỹ lại, mạng sống con người chẳng được bao lâu, vạn vật đều không ngoài lẽ vô thường, sớm còn tối mất. Một khi nhân duyên đến, tội lỗi ngày càng chồng chất gây thêm buồn khổ, vậy thì tích tập của báu có lợi ích gì cho

mình? Ham muốn toan tính chỉ lường uống nhọc thân, chẳng bằng dừng tâm cầu đạo giải thoát, vì thế tôi không lấy của báu.

Nghe xong nhà vua tỏ ngộ, nguyện vâng theo lời dạy của Phạm chí.

Bấy giờ đức Phật hiện lại nguyên hình, phóng hào quang chiếu thẳng lên Hư không, Ngài nói kệ:

*Dù chứa nhiều của báu
Cao ngất tận Trời xanh
Đầy khắp cả thế gian
Chẳng bằng thấy đạo màu
Điều xấu cho là tốt
Tham mà cho chẳng tham
Lấy khổ làm an lạc
Người ngu mãi như thế.*

Nhà vua nhìn thấy hào quang của Đức Phật soi khắp đất Trời, lại nghe được bài kệ ấy ông ta vui mừng khôn tả. Nhà vua cùng quần thần xin thọ năm giới, sau đó nhà vua chứng quả Tu-đà-hoàn.

9. VUA MA ĐẠT CHỨNG ĐẠO:

Thuở xưa, có vị quốc vương tên Ma-đạt, ông xuất quân để tuyển chọn vài triệu dân để làm lính. Lúc ấy có vị Tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán đi vào nước vua Ma-đạt để khát thực. Ông bị quan quân ghi tên vào sổ tuyển chọn đưa vào cung vua. Nhà vua sai vị Tỳ-kheo này giữ ngựa suốt bảy ngày vất vả. Hôm đó, nhà vua đích thân đến xem. Trông thấy nhà vua, Tỳ-kheo này cất mình lên Hư không, hiển hiện thần oai. Nhà vua trông thấy thì kinh sợ, liền dập đầu sám hối.

Ông nói: Trẫm quả thật ngu si, không biết đâu là chân, đâu là giả. Nay ta sẽ cho điều tra trong ngoài, ai bắt Thánh nhân làm những việc này thì ta sẽ trị tội chết.

Tỳ-kheo bảo: Đây chẳng phải lỗi của đại vương và mọi người, mà là do nghiệp quá khứ của tôi. Trong quá khứ, lúc tu tập tôi hầu hạ thầy. Một hôm dọn thức ăn cho thầy, thầy bảo:

Trước tiên phải rửa tay rồi sau đó mới ăn.

Tôi ngu si thâm nghĩ: Thầy cũng chẳng nuôi dưỡng ngựa quan, có gì phải rửa tay trước?

Thầy tôi liền bảo: Bây giờ việc nhỏ này mà ông nghĩ như vậy thì sau này việc lớn sẽ còn như thế nào?

Nghe lời thầy nói, tôi cảm thấy buồn bã. Biết ý tôi, thầy nghĩ:

- Ta nay sắp nhập Niết-bàn sao lại còn làm cho người khác đau khổ.

Canh ba đêm ấy, thầy đã nhập Niết-bàn. Từ đó trải qua bao nhiêu kiếp lâu xa, trôi lăn trong sanh tử, nay còn cái dư báo của đời trước nên phải chịu nuôi ngựa bảy ngày.

Thông thường làm những điều thiện hay ác thì có cái kết quả hoá phước, như bóng theo hình.

Nghe Tỳ-kheo giảng về tội phước, lòng vua tỏ ngộ, vui mừng và xin quy y Tam bảo.

Tỳ-kheo bảo:

- Đại vương hãy quy y với Phật, Ngài là bậc thầy trong ba cõi.

Nhà vua cùng dân chúng đều theo Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lễ Ngài và xin thọ năm giới, làm vị ưu-bà-tắc.

Đức Phật liền hiển hiện oai thần, hào quang chiếu sáng khắp nơi. Ngài lại nói pháp cho họ nghe pháp vô thường, khổ, không. Ngay lúc đó, vua chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nhân dân trong nước đều quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới cấm và thực hành mười thiện nghiệp. Mỗi tháng họ giữ gìn trai giới, lấy đó làm pháp tu tập hàng ngày.

(Trích kinh Ma Đạt Quốc Vương)

10. VUA CÀN ĐÀ BỎ NGOẠI ĐẠO TU CHÁNH PHÁP ĐẮC QUẢ TU-ĐÀ-HOÀN:

Bấy giờ, quốc vương Càn-đà phụng thờ những Bà-la-môn đang ẩn cư trong núi. Ở đó có nhiều loại cây ăn trái nhưng lại bị tiều phu phá huỷ, Bà-la-môn bèn đến thưa với vua:

- Tiều phu vô cơ mà lại đến phá hoại cây ăn trái, xin nhà vua hãy trị tội ông ta.

Nhà vua nghe theo lời của Bà-la-môn ấy liền ra lệnh giết Tiều phu. Sau đó không bao lâu cũng có một con trâu phạm vào lúa mạ, người chủ liền bắt và đem chặt mất một sừng, máu chảy đầy mặt, đau quá không chịu nổi nên trâu chạy đến thưa với vua: Tôi quả thật không có tội gì, chỉ ăn một ít lúa mạ của người, thế mà họ bắt chặt sừng của tôi.

Nhà vua vốn hiểu lời của mọi loài nên bảo nó:

- Ta sẽ trị tội chết người đó.

- Dù giết được người ấy nhưng không làm tôi hết đau, nhà vua nên quy định thế nào để sau này chớ nên làm khổ người khác.

Nhà vua nghe lời ấy rất cảm động, nghĩ rằng: Ta thờ vị Bà-la-

môn, ông ta chỉ vì số cây trái mà khiến ta giết chết người, ông ta chẳng bằng con trâu này. Nhà vua liền gọi Bà-la-môn đến hỏi:

- Nay trăm phụng thờ đạo này có được phước báo gì?

Đáp:

- Có thể tiêu trừ tai nạn, được phước giàu sang sống lâu.

- Có thể thoát khỏi sanh tử không?

Đáp:

- Không thể thoát khỏi sanh tử.

Nhà vua đến chỗ Đức Phật, cúi mình đánh lễ rồi thưa:

- Con nghe đạo Phật chí tôn, giáo hoá thiên hạ, vô số chúng sanh được độ, xin cho con được lãnh thọ pháp âm để tự sửa mình.

Đức Phật liền truyền trao năm giới và mười thiện pháp cho nhà vua, Ngài lại thuyết pháp ông ta thấu rõ được tất cả vạn vật trong vũ trụ vốn không sanh không tử. Thực hành những hạnh bố thí trì giới hiện đời được phước, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì phước đó càng vô lượng, về sau sanh lên cõi Trời cũng được làm vua Thứ-ca-việt. Có thể chứng đạo vô vi cứu độ thế gian. Đức Phật liền hiện ba mươi hai tướng tốt, hào quang toả rạng, nhà vua trông thấy thì vui mừng khôn xiết, tâm trí bừng sáng, chứng quả Tu-đà-hoàn. Còn con trâu bảy ngày sau chết đi liền sanh lên cõi Trời.

(Trích kinh Càn Đức Phật-đà Quốc Vương)

11. VUA PHỔ ĐẠT GẶP PHẬT ĐẮC ĐẠO:

Vua nước Phù-diên, tên Phổ Đạt, luôn siêng năng thực hành giáo pháp của Phật, thường có lòng từ mẫn. Trong nước, dân chúng mê muội, không biết đến Tam bảo. Mỗi lần trai giới, ông đều lên lầu cao quán sát rồi trở lại cúi đầu đánh lễ, nhân dân trong nước đều ngạc nhiên trước việc làm của vua.

Họ cùng nhau bàn tán:

- Vua là bậc tôn quý của muôn dân, xa gần đều kính bái. Chỉ cần ra lệnh là mọi người đều vâng theo, cầu mong điều gì mà phải hạ mình dập đầu sát đất! Quần thần muốn can nhưng không dám.

Bấy giờ, vua cùng mấy ngàn quan dân ra khỏi hoàng cung, không bao xa thì gặp một đạo nhân, nhà vua xuống xe, bỏ dù cùng mọi người đánh lễ đạo nhân. Nhà vua muốn mời đạo nhân vào cung để sửa soạn thức ăn cúng dường nhưng bị quần thần can ngăn:

Đại vương là bậc chí tôn, tại sao giữa đường gặp đạo nhân ăn xin này mà hạ mình cúi đầu đánh lễ? Trong thiên hạ tôn quý nhất là cái

đầu và khuôn mặt, hơn nữa là vua của một nước thì không giống với kẻ tầm thường.

Nhà vua nghe thế liền ra lệnh cho quần thần:

Các người hãy đi tìm đầu của người chết và đầu của súc vật đem về đây.

Thế là quần thần đi khắp nơi kiếm được một số đầu đem về.

Vua bảo:

- Các người hãy đem số đầu lâu ấy ra chợ bán.

Quần thần vâng lời, đem mổ đầu ấy ra bán, các đầu súc vật đều bán hết chỉ còn lại đầu người không bán được.

Vua bảo:

- Đắt rẻ gì các người cứ đem bán cho ta, nếu bán không được thì ta sẽ bỏ tù.

Thế là nhiều ngày họ rao bán nhưng chẳng có người nào mua, đến nỗi cho cũng chẳng ai lấy. Cuối cùng số đầu người còn lại bị trưng phình thối rữa.

Nhà vua nổi giận bảo các quần thần:

Các khanh cho rằng đầu người quý nhất không thể huỷ nhục, vậy thì cố sao đem cho cũng chẳng ai lấy.

Nhà vua liền hạ lệnh chuẩn bị xa giá ra ngoài thành để hỏi mọi chuyện, quần thần rủ nhau rầm rộ, cùng theo vua ra ngoài thành.

Nhà vua bảo họ:

Các khanh có biết khi tiên vương của ta còn sống có một đứa bé thường cầm cây dù không?

Quần thần đều tâu là biết.

Vua nói:

- Thế thì bây giờ đứa nhỏ đó ở đâu?

Đáp: Nó đã chết cách đây mười bảy năm rồi.

- Đứa bé này là người tốt hay người xấu.

Đáp: Chúng thần thường thấy nó hầu hạ tiên vương, trai giới nghiêm túc thành kính, giữ mình không hề nói điều phi pháp.

- Bây giờ nếu gặp lại đứa bé mặc áo quần như trước kia thì các khanh có nhận ra không?

Quần thần đáp:

- Tuy đã lâu không gặp, nhưng thần vẫn còn nhớ.

Nhà vua sai lấy những áo quần của đứa bé trước kia và hỏi:

- Có phải là áo quần này không?

Đáp: Phải.

- Bây giờ giả sử gặp lại đứa bé, các ông có nhận ra không?

Quần thần im lặng hồi lâu rồi nói:

- Thần sợ mình mê muội, nhìn thấy mà không phân biệt được.

Lúc đó, nhìn thấy phía trước có vị đạo nhân đi đến, nhà vua lấy làm vui mừng. Ông đem đầu lâu bán cho đạo nhân nhưng Ngài không lấy.

Vua nói:

- Nay mới rõ cội nguồn của mình, có duyên may gặp gỡ, xin Ngài hãy mở lối cho tôi.

Đạo sĩ liền bảo với quần thần:

- Nhà vua chính là đứa trẻ cầm dù thời tiên vương, thường theo tiên vương thực hành trì giới, tu tập chánh pháp thanh tịnh, giữ tâm không sai phạm các điều ác. Sau đó, ông qua đời sanh làm vương tử, ngày nay được tôn quý đều do ngày xưa giữ gìn trai giới. Quần thần lớn nhỏ đều nói:

- Chúng tôi may mắn được gặp Ngài, xin thương xót kẻ ngu si cho theo làm đệ tử.

Đạo nhân bảo mọi người:

- Tôi còn có bậc thầy của tôi, các vị hãy đến đó thọ giáo.

Quần thần nói:

- Chúng tôi xin được trọn đời lãnh thọ một câu.

- Thầy tôi hiệu là Phật, thân có thể bay đi, trên đầu có hào quang, phân thân biến hoá vạn hình, một mình vượt qua ba cõi không ai có thể sánh bằng, đồ chúng thanh tịnh đều là Sa-môn, những lời Ngài dạy đều độ thoát mọi người không hư dối.

Quần thần liền thưa với đạo nhân:

- Chúng tôi có thể gặp Phật không? Ngài ở cách đây bao xa.

- Hay lắm! Tôi sẽ thưa với Thế tôn, Ngài ở cách đây sáu ngàn dặm.

Đạo nhân liền bay đến thành Xá-vệ, bạch rõ với đức Phật.

Phật dạy:

- Ngày mai ta sẽ đến nước Phù-diên, khi đến sẽ hiển hiện oai thần.

Hôm sau vua và quần thần mang hoa hương ra ngoài thành đón Phật. Nhìn thấy oai linh của Phật, nhà vua xúc động gieo mình sát đất đánh lễ, bạch Phật.

Bạch Thế tôn, thật là phiền nhọc cho Ngài cùng chư tăng từ xa đến đây.

Nhà vua tận tâm thiết lễ cúng dường, tự tay bưng nước và tự tay dâng thức ăn cúng dường.

Chú nguyện xong, Phật mỉm cười, từ miệng phóng ra hào quang năm sắc.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Bạch Thế tôn, tại sao người mỉm cười như thế? Phật dạy:

Thuở xưa, vào thời Phật Ma-ha Ca-diếp, nhà vua là con của một gia đình giàu có, khi trong nhà cúng dường Tam bảo, người cha sai ông dâng hương cúng dường. Lúc ấy có một kẻ hầu, trong lòng xem thường không cúng dường đức Phật. tội phước chiêu cảm dần dần bị quả báo thành kẻ sai dịch. Vì tu tập chánh pháp không bị thoái tâm nên nay ông được làm vua. Lúc ấy ta phát nguyện, nếu ta chứng đạo sẽ đến độ người này.

Nhà vua hiểu rõ ngọn nguồn, liền chứng quả Tu-đà-hoàn, thần dân đều thọ năm giới và tu thập thiện.

(Trích kinh Phổ Đạt Vương)

